

Số: /KH-STC

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Đào tạo nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Sở Tài chính ban hành kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026 như sau:

#### I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

##### 1. Mục tiêu

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh. Cung cấp cho DNNVV những kiến thức nền tảng cần thiết trong quá trình khởi nghiệp, bao gồm: những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp, những vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính và chính quyền.

- Bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có trình độ về khả năng quản lý, điều hành doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả thông qua tổ chức, bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức cơ bản về khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quản

trị doanh nghiệp chuyên sâu, kiến thức pháp luật và các kỹ năng mềm khác đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Xây dựng đội ngũ doanh nhân tỉnh An Giang lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có khả năng hoạch định chiến lược kinh doanh, năng động, nhạy bén, thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh; có tinh thần dân tộc, văn hóa kinh doanh, có trách nhiệm xã hội, có đủ năng lực, trình độ để lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp hoạt động có chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, liên kết chặt chẽ, tham gia tích cực vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất trong nước và từng bước vươn tới khu vực và quốc tế.

## **2. Yêu cầu**

- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp chuyên sâu cho các đối tượng; bảo đảm huy động, phát huy tối đa các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch, trong đó có gắn kết với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khác của tỉnh đã được phê duyệt.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải đúng theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **II. PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO**

- Phương pháp giảng dạy dựa trên cách tiếp cận đa chiều để giải quyết vấn đề, phát huy tối đa tính chủ động của học viên. Trong quá trình học, học viên được khuyến khích trao đổi, đưa ra các câu hỏi với chuyên gia về những tình huống vướng mắc thực tiễn trong kinh doanh. Từ đó, phát hiện ra các vấn đề tồn tại và có giải pháp xử lý thích hợp nhất.

- Học qua thực hành và trải nghiệm, học qua giao lưu đa chiều - chia sẻ kinh nghiệm.

- Khóa đào tạo sẽ thực hiện theo cách thuyết trình, trao đổi và thảo luận nhóm. Theo đó, giảng viên sẽ trình bày các nội dung chính, sau đó gợi ý trao đổi các tình huống thực tế để rút ra các bài học kinh nghiệm và nêu ví dụ minh họa.

## **III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO**

## **1. Khởi sự kinh doanh**

### **1.1 Đối tượng học viên**

Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV. Trong đó, DNNVV là doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh hoặc DNNVV mới thành lập trong thời gian 5 năm tính đến năm tổ chức khóa đào tạo.

### **1.2. Chuyên đề đào tạo**

Theo nhu cầu thực tế từ phía doanh nghiệp, sẽ lựa chọn trong những chuyên đề sau:

- Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh;
- Kiến thức, kỹ năng và những vấn đề pháp lý trong thành lập doanh nghiệp;
- Những vấn đề về thị trường, marketing và bán hàng;
- Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp;
- Tổ chức tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân sự;
- Tổ chức quản trị tài chính, dòng tiền.

### **1.3. Thời lượng đào tạo: 02 ngày/khóa**

### **1.4. Số học viên: tối thiểu 30 học viên/khóa**

### **1.5. Số khóa đào tạo: 04 khóa**

## **2. Quản trị doanh nghiệp cơ bản**

### **2.1 Đối tượng học viên**

Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV.

### **2.2. Chuyên đề đào tạo**

Theo nhu cầu thực tế từ phía doanh nghiệp, sẽ lựa chọn trong những chuyên đề sau:

- Quản trị nhân sự;
- Quản trị tài chính, chi phí;
- Quản trị sản xuất, công nghệ;
- Quản trị marketing, bán hàng, thị trường, chuỗi cung ứng;
- Quản trị rủi ro;
- Quản trị hệ thống thông tin nội bộ;

- Quản trị chiến lược;
- Các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến quản trị doanh nghiệp;
- Đào tạo phát triển các kỹ năng, tâm lý cho người lao động, cán bộ quản lý;
- Các chuyên đề khác liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh, vận hành doanh nghiệp.

**2.3. Thời lượng đào tạo:** 03 ngày

**2.4. Số học viên:** tối thiểu 30 học viên/khóa

**2.5. Số khóa đào tạo:** 01 khóa

### **3. Đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến**

#### **3.1 Đối tượng học viên**

Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV.

#### **3.2. Chuyên đề đào tạo**

Theo nhu cầu thực tế từ phía doanh nghiệp, sẽ lựa chọn trong những chuyên đề sau:

- Các nội dung đào tạo Quản trị doanh nghiệp cơ bản với nội dung chuyên sâu phù hợp với doanh nghiệp sản xuất, chế biến được đào tạo.
- Các chuyên đề đào tạo liên quan đến sản xuất, chế biến sản phẩm khác theo nhu cầu của doanh nghiệp.

**3.3. Thời lượng đào tạo:** 05 ngày/khóa

**3.4. Số học viên:** tối thiểu 10 học viên/khóa

**3.5. Số khóa đào tạo:** 01 khóa

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch là **219.600.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười chín triệu sáu trăm ngàn đồng), trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 202.050.000 đồng
- Thu của doanh nghiệp: 17.550.000 đồng

Nguồn kinh phí: nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh (Công văn số 20562/BTC-DNTN ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc thông báo nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn NSTW năm 2026); thu của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

(Đính kèm dự toán kinh phí tại Phụ lục 1)

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp**

- Chịu trách nhiệm thông báo chiêu sinh, tổ chức khóa đào tạo, thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện các khóa đào tạo cho các đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định, đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, tiết kiệm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của các văn bản có liên quan.

- Thực hiện báo cáo đánh giá kết thúc khóa đào tạo.

**2. Các Phòng** trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức Đào tạo nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026, các phòng, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đúng nội dung và đạt hiệu quả./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Văn phòng Sở;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, TVĐT&HTDN

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Hoàng Phi**

## PHỤ LỤC 1

**Dự toán kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026**

*(Đính kèm Kế hoạch số /KH-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Ghi chú
						Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên	
1	Khởi sự kinh doanh	Khóa	4	29.700.000	118.800.000	118.800.000		Phụ lục 2
2	Quản trị doanh nghiệp cơ bản	Khóa	1	42.300.000	42.300.000	42.300.000		Phụ lục 3
3	Đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến	Khóa	1	58.500.000	58.500.000	40.950.000	17.550.000	Phụ lục 4
	<b>Tổng cộng</b>				<b>219.600.000</b>	<b>202.050.000</b>	<b>17.550.000</b>	

## PHỤ LỤC 2

### Dự toán chi tiết kinh phí Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh

(Đính kèm Kế hoạch số /KH-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
<b>1</b>	<b>Giảng viên</b>					<b>58.400.000</b>				
-	Thù lao giảng viên	2 buổi/ ngày x 2 ngày x 4 khóa	buổi	16	2.000.000	32.000.000			Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	Định mức chi cho GV thuê ngoài không thuộc biên chế
-	Phụ cấp tiền ăn	1 người x 2 ngày x 4 khóa	người/ngày	8	300.000	2.400.000			Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	
-	Thuê xe đưa đón giảng viên	chuyến đi và về (dự kiến thuê 2 ngày/khóa) TPHCM - An Giang - TPHCM	ngày	8	3.000.000	24.000.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	1 ngày đón, 1 ngày về Thanh toán theo thực tế
-	Phòng nghỉ	2 ngày giảng dạy/khóa x 4 khóa	ngày	8	500.000	4.000.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm b Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Đến trước 1 ngày, 2 ngày giảng dạy

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
<b>2</b>	<b>Học viên</b>					<b>60.400.000</b>				
-	Giải khát giữa giờ	30 người x 2 ngày/khóa x 4 khóa	người/ngày	240	60.000	14.400.000			Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư 49/2019/TT-BTC Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Chi theo định mức
-	Văn phòng phẩm (viết, sổ, bìa sơ mi, tài liệu,...)	30 người/ khóa x 4 khóa	người/khóa	120	50.000	6.000.000			Tiết ii Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 49/2019/TT-BTC	Thanh toán theo thực tế
-	Thuê hội trường, dụng cụ phục vụ giảng dạy, máy chiếu, màn chiếu	2 ngày/ khóa x 4 khóa	ngày	8	5.000.000	40.000.000			Điểm i Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	
	<b>Cơ cấu chi phí tổ chức 04 khóa đào tạo</b>					<b>118.800.000</b>	<b>118.800.000</b>			

**PHỤ LỤC 3****Dự toán chi tiết kinh phí Khóa đào tạo Quản trị doanh nghiệp cơ bản***(Đính kèm Kế hoạch số /KH-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)*

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
<b>A</b>	<b>Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo</b>					<b>42.300.000</b>				
<b>1</b>	<b>Giảng viên</b>					<b>20.400.000</b>				
-	Thù lao giảng viên	2 buổi/ ngày x 3 ngày	buổi	6	2.000.000	12.000.000			Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	Định mức chi cho GV thuê ngoài không thuộc biên chế
-	Phụ cấp tiền ăn	1 người x 3 ngày	ngày	3	300.000	900.000			Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	
-	Thuê xe đưa đón giảng viên	chuyến đi và về (dự kiến thuê 2 ngày) TPHCM - An Giang - TPHCM	ngày	2	3.000.000	6.000.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	1 ngày đón, 1 ngày về Thanh toán theo thực tế

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
-	Phòng nghỉ	3 ngày giảng dạy	ngày	3	500.000	1.500.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm b Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Đến trước 1 ngày, 2 ngày giảng dạy
<b>2</b>	<b>Học viên</b>					<b>21.900.000</b>				
-	Giải khát giữa giờ	30 người x 3 ngày	người/ngày	90	60.000	5.400.000			Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư 49/2019/TT-BTC Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Chi theo định mức
-	Văn phòng phẩm (viết, sổ, bìa sơ mi, tài liệu,...)	30 người x 1 khóa	người/khóa	30	50.000	1.500.000			Tiết ii Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 49/2019/TT-BTC Điểm i Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	Thanh toán theo thực tế
-	Thuê hội trường, dụng cụ phục vụ giảng dạy, máy chiếu, màn chiếu	3 ngày giảng dạy	ngày	3	5.000.000	15.000.000				
<b>B</b>	<b>NSNN hỗ trợ học phí cho học viên địa bàn ĐBK, học viên của DNNVV do nữ làm chủ và hỗ trợ theo quy định</b>						<b>42.300.000</b>			

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
	Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV địa bàn ĐBK, học viên của DNNVV do nữ làm chủ (100%)	Dự kiến 30 người/lớp	Người	30	1.410.000	42.300.000	42.300.000		Khoản 3 Điều 7 Thông tư 49/2019/TT-BTC	
	<b>Cơ cấu chi phí tổ chức 01 khóa đào tạo</b>					<b>42.300.000</b>	<b>42.300.000</b>			

**PHỤ LỤC 4****Dự toán chi tiết kinh phí Khóa đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến***(Đính kèm Kế hoạch số /KH-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)*

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
<b>A</b>	<b>Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo</b>					<b>58.500.000</b>				
<b>1</b>	<b>Giảng viên</b>					<b>30.000.000</b>				
-	Thù lao giảng viên	2 buổi ngày x 5 ngày	buổi	10	2.000.000	20.000.000			Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	Định mức chi cho GV thuê ngoài không thuộc biên chế
-	Phụ cấp tiền ăn	1 người x 5 ngày	ngày	5	300.000	1.500.000			Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	
-	Thuê xe đưa đón giảng viên	chuyến đi và về (dự kiến thuê 2 ngày) TPHCM - An	ngày	2	3.000.000	6.000.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	1 ngày đón, 1 ngày về Thanh toán theo thực tế

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
		Giang - TPHCM								
-	Phòng nghỉ	5 ngày giảng dạy	ngày	5	500.000	2.500.000			Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC Điểm b Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Đến trước 1 ngày, 5 ngày giảng dạy
<b>2</b>	<b>Học viên</b>					<b>28.500.000</b>				
-	Giải khát giữa giờ	10 người x 5 ngày	người/ngày	50	60.000	3.000.000			Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư 49/2019/TT-BTC Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND	Chi theo định mức
-	Văn phòng phẩm (viết, sổ, bìa sơ mi, tài liệu,...)	10 người x 1 lớp	người/lớp	10	50.000	500.000			Tiết ii Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 49/2019/TT-BTC Điểm i Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC	Thanh toán theo thực tế
-	Thuê hội trường, dụng cụ phục vụ giảng dạy, máy chiếu, màn chiếu		ngày	5	5.000.000	25.000.000				
<b>B</b>	<b>NSNN hỗ trợ học phí cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp</b>						<b>58.500.000</b>			

STT	Nội dung	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Phân chia nguồn		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Thu của học viên		
	<b>nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội</b>									
<b>C</b>	<b>Thu từ học viên</b>							<b>17.550.000</b>		
	Mức học phí thu của 01 học viên của DNNVV không do nữ làm chủ (30%)	10 người/lớp	Người	10	1.755.000	17.550.000		17.550.000	Tham khảo Điểm a Khoản 3 Điều 7 Thông tư 49/2019/TT-BTC	
	<b>Cơ cấu chi phí tổ chức 01 khóa đào tạo</b>					<b>58.500.000</b>	<b>40.950.000</b>	<b>17.550.000</b>		